TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2020.
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Lũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông: Trần Trung Dũng.

2- Bà: Đào Thị Hải Lý.

Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Văn Quyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Động mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 19 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1971.

Quê quán: Thôn T - xã C - huyện K - tỉnh Hưng Yên

HKTT: Thôn C - xã P - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Quốc T - Sinh năm 1972.

HKTT: Thôn C - xã P - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

*** Những người làm chứng:**

+ Cụ Nguyễn Thị K - Sinh năm 1947

HKTT tại: Thôn T - xã C - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

+ Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1994.

Quê quán: Thôn C - xã P - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

HKTT: Thôn M - xã N - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày***: Bà và ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1972 trú tại: Thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên là hai người khác địa phương kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào khoảng tháng 8 năm 1993. Thời điểm đó do ông Lưu Minh C làm Chủ tịch UBND xã tiến hành đăng ký kết hôn cho bà và ông T. (Do điều kiện cuộc sống di chuyển chỗ ở nên vợ chồng bà đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn). Hiện nay địa phương không còn lưu giữ sổ theo dõi đăng

ký kết hôn năm1993, nên địa phương không thể cung cấp bản sao giấy chứng nhận kết hôn cho bà được, bà chỉ cung cấp được cho Tòa án đơn đề nghị xác nhận hôn nhân của vợ chồng có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương bà về ngay gia đình ông T làm ăn chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02 năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau nên hay xảy ra đánh cãi chửi nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung. Mâu thuẫn chính là do ông T lúc tuổi trẻ thường xuyên chơi bời cờ bạc nên đã bị bạn bè rủ rê lôi kéo mắc vào tệ nạn xã hội cụ thể là nghiện ma túy. Tuy nhiên nghĩ đến hạnh phúc gia đình và con chung bản thân bà và hai bên gia đình đã động viên khuyên giải ông T nhiều lần từ bỏ ma túy để vợ chồng xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc con chung nhưng ông T không thay đổi, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt và không còn hạnh phúc. Đến khoảng năm 2010 thì ông T bị vi phạm pháp luật và bị Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Tiếp đến khoảng tháng 6 năm 2014 ông T lại bị Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đến tháng 9/2020 ông T đã chấp hành xong hình phạt trở về gia đình và sinh sống tại địa phương. Sau khi ông T về bà tưởng sẽ thay đổi tính nết và tu trí làm ăn, nhưng vẫn tính nào tật ấy không thay đổi và thường xuyên vô cớ chửi bới vợ con. Mặc dù bà cũng đã cố gắng chịu đựng đến rất nhiều năm nay nhưng không được. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài thêm được nữa vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân nhau. Bà kiên quyết đề nghị Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết cho bà được ly hôn với ông T để bà sớm được ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà xác định vợ chồng có 02 con chung là chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 26/12/1994 và anh Nguyễn Trung K, sinh ngày 05/5/1997. Hiện nay các anh, chị đã trưởng thành hết và đã có gia đình riêng, nên bà tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Bà và ông T sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, bà tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

Theo lời khai của bị đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Ông xác định lời khai của bà T về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian vợ chồng mâu thuẫn và nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như bà T khai là đúng. Ông cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn chính là do ông có chơi bời ngoài xã hội nên đã bị bạn bè rủ rê lôi kéo vào con đường nghiện ngập nên ông bị mắc vào tệ nạn xã hội cụ thể là nghiện ma túy, ông đã nhiều lần bị vi phạm pháp luật và bị Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên nhiều lần xử phạt tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Nay bà T có đơn xin ly hôn ông và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động giải quyết. Ông cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa ông với bà T có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Ông mong muốn bà T có suy nghĩ lại để vợ chồng được về chung sống đoàn tụ. Trong trường hợp bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Ông cũng xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 26/12/1994 và anh Nguyễn Trung K, sinh ngày 05/5/1997. Hiện nay các anh, chị đã trưởng thành hết và đã có gia đình riêng, nên ông tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Ông và bà T sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, ông nhất trí tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

* Ngày 29/10/2020 Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của ông, bà được địa phương cung cấp: Ông T và bà T là hai người khác địa phương kết hôn trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào khoảng tháng 8 năm 1993 (Thời điểm đó do ông Lưu Minh C làm Chủ tịch UBND xã tiến hành đăng ký kết hôn cho ông T và bà T). Do hiện nay địa phương không còn lưu giữ sổ theo dõi đăng ký kết hôn năm1993, nên địa phương không thể cung cấp bản sao giấy chứng nhận kết hôn cho bà T và ông T được, địa phương chỉ xác nhận hôn nhân của ông T và bà T để Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ án. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông T và bà T có mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm được. Địa phương chỉ được biết ông T đã nhiều lần vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên nhiều lần xử phạt tù giam về tội mua bán trái phép chất ma túy. Nay bà T có đơn xin ly hôn ông T và đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án tiến hành xác minh và căn cứ vào lời khai của các đương sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Địa phương xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 26/12/1994 và anh Nguyễn Trung K, sinh ngày 05/5/1997. Hiện nay các anh, chị đã trưởng thành hết và đã có gia đình riêng. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức: Địa phương không nắm được đề nghị Tòa án xác minh và giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về ruộng canh tác: Giữa ông T và bà T không có gì liên quan với nhau.

* Ngày 04 tháng 11 năm 2020 Toà án tiến hành lấy lời khai của cụ Vũ Thị K (là mẹ đẻ của bà T) để xác minh về quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T được cụ K cung cấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau như bà T và ông T khai là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng do ông T chơi bời và nghiện ma túy, không nghe lời khuyên của gia đình nên đã nhiều lần vi phạm pháp luật và bị Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên nhiều lần xử phạt tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Nay bà T có đơn xin ly hôn ông T và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động giải quyết. Cụ cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông T không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, cụ nhất trí đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T để giải thoát cho bà T càng sớm, càng tốt.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 26/12/1994 và anh Nguyễn Trung K, sinh ngày 05/5/1997.

Hiện nay các anh, chị đã trưởng thành hết và đã có gia đình riêng, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức: Cụ không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bà Tuyến.

- Về ruộng canh tác: Giữa bà T và ông T không có gì liên quan với nhau.

* Cùng ngày Toà án tiến hành lấy lời khai của chị Nguyễn Thị N (là con gái của ông T và bà T) để xác minh về quá trình mâu thuẫn giữa ông T và bà T được chị N cung cấp:

Chị là con gái của ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị T đều trú tại: Thôn C, xã P, huyện K tỉnh Hưng Yên. Việc bố mẹ chị có đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện Kim Động giải quyết việc xin ly hôn chị có biết. Theo chị được biết thì nguyên nhân mâu thuẫn chính là do bố chị lúc còn trẻ có chơi bời ngoài xã hội nên đã bị bạn bè rủ rê lôi kéo vào con đường nghiện ngập và đã mắc vào tệ nạn xã hội cụ thể là nghiện ma túy, mặc dù đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhiều lần từ bỏ ma túy để tu chí làm ăn và xây dựng hạnh phúc gia đình êm ấm nhưng bố chị chỉ hứa hẹn chứ không hề thay đổi. Sau đó thì bố chị đã nhiều lần vi phạm pháp luật và bị Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên nhiều lần xử phạt tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Sau khi bố chị hoàn lương về với gia đình xong tưởng bố chị sẽ thay đổi tính nết và tu trí làm ăn, nhưng vẫn tính nào tật ấy không thay đổi. Quan điểm của chị đề nghị Toà án hoà giải để cho mẹ chị nghĩ lại cho bố chị một cơ hội thay đổi tính nết và sửa chữa lỗi lầm. Trong trường hợp mẹ chị vẫn kiên quyết xin ly hôn thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của mẹ chị.

- Về tài sản chung của bố mẹ chị: Chị xác định không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của bố, mẹ chị nên chị không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay:

- Bà T giữ nguyên quan điểm xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được và không thể kéo dài thêm được nữa. Bà kiên quyết đề nghị Toà án nhân dân huyện Kim Động giải quyết cho bà được ly hôn với ông T để bà sớm được ổn định cuộc sống. Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 02 con chung là chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 26/12/1994 và anh Nguyễn Trung K, sinh ngày 05/5/1997. Hiện nay các anh, chị đã trưởng thành hết và đã có gia đình riêng, nên bà tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết. Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Bà và ông T sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, bà tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

Ông T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán thụ lý vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và những người làm chứng tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ các quy định của pháp luật.

* Đề xuất của Kiểm sát viên:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

- Về con chung: Bà T và ông T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 26/12/1994 và anh Nguyễn Trung K, sinh ngày 05/5/1997. Hiện nay các anh, chị đã trưởng thành hết và đã có gia đình riêng nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Quốc T là hai người khác địa phương, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào khoảng tháng 8 năm 1993. Hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo các tài liệu chứng cứ thu thập được thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T là do ông T thường xuyên chơi bời cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn và không quan tâm gì đến gia đình nên đã bị bạn bè rủ rê lôi kéo vào con đường nghiện ngập và mắc vào tệ nạn xã hội, cụ thể là nghiện ma túy nên vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và kéo dài đã từ nhiều năm nay, mặc dù đã được hai bên gia đình gặp gỡ động viên khuyên giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng tình cảm giữa hai ông, bà không được cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tồn tại và ngày càng căng thẳng, ông bà đã nhiều lần sống ly thân nhau. Trong thời gian ông, bà sống ly thân nhau thì không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập càng làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm sâu sắc, tình cảm vợ chồng ngày càng dạn nứt, hạnh phúc gia đình không đạt được.

Sau khi bà T có đơn xin ly hôn ông T gửi Toà án đề nghị giải quyết, ông T cũng xác định tình cảm vợ chồng đã xảy ra từ rất lâu, nguyên nhân mâu thuẫn chính là do ông chơi bời ngoài xã hội nên đã bị bạn bè rủ rê lôi kéo vào con đường nghiện ngập, mắc vào tệ nạn xã hội, cụ thể là nghiện ma túy và đã bị vi phạm pháp luật nhiều lần. Tuy nhiên ông cũng biết lỗi lầm của ông và rất mong muốn bà T có suy nghĩ lại cho ông một cơ hội để vợ chồng về chung sống đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng ông không đưa

ra phương pháp hay biện pháp gì để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo nguyện vọng của ông Tòa án tiếp tục tiến hành mở phiên hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Tại phiên hòa giải chỉ có mặt bà T còn ông T vắng mặt không có lý do. Như vậy thể hiện ông T mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông lại không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng thể hiện ông đã vắng mặt tại Tòa theo yêu cầu của Tòa án để hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Tại phiên hòa giải không thành này bà T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T để bà sớm được ổn định cuộc sống, còn ông T vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng cho ông, bà được.

Như vậy qua phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai ông, bà đã phát sinh và kéo dài, thời gian ông, bà sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau đã nhiều năm nay. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên và khuyên giải nhưng tình cảm giữa hai ông, bà không được cải thiện. Thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần giải quyết cho ông, bà được ly hôn để ông, bà sớm được ổn định cuộc sống.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 26/12/1994 và anh Nguyễn Trung K, sinh ngày 05/5/1997. Hiện nay các anh, chị đã trưởng thành hết và đã có gia đình riêng nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Bà T và ông T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự cần được ghi nhận nên không đặt ra giải quyết.

[4] Án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Quốc T.

* Con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

* Tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0001897 ngày 27 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Động. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA huyện;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊNTOÀ

- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Tiến Lũng